



Tính chung 9 tháng năm 2020, Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ước đạt 567.643,2 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ, bằng 70,7% KH năm. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương ước đạt 16.834,1 tỷ đồng, tăng 3,4%, bằng 68,4% KH năm; công nghiệp địa phương ước đạt 24.660,1 tỷ đồng, tăng 6,7%, bằng 75,6% KH năm; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 526.140 tỷ đồng, tăng 2,3%, bằng 70,5% KH năm.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ: Xi măng đạt 2,1 triệu tấn, tăng 25,9% và bằng 83,6% KH năm; sắt thép các loại đạt 1,2 triệu tấn, tăng 18,4%, bằng 89,3% KH năm; máy tính bảng đạt 14,7 Tr.SP, tăng 16,4%, bằng 83,7% KH năm; tai nghe khác đạt 29,9 Tr.SP, tăng 5,5%, bằng 69,5% KH năm; than khai thác đạt trên 1 triệu tấn, tăng 2,7%, bằng 79% KH năm; mạch điện tử tích hợp đạt 82,4 Tr.SP, tăng 0,8%, bằng 63,4% KH năm... Mặt khác, một số sản phẩm có sản lượng giảm hơn so với cùng kỳ: Điện thương phẩm đạt 3.633 triệu Kwh, giảm 0,2% và bằng 66,7% KH năm; nước máy thương phẩm đạt 22 triệu m<sup>3</sup>, giảm 2,4% và bằng 68,5% KH năm; điện thoại thông minh đạt 69,7 Tr.SP, giảm 5,9% và bằng 64,6% KH năm (nhóm điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên ước đạt 20,5 Tr.SP, tăng 7,1%; nhóm điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 23,4 Tr.SP, tăng 7,4%; nhóm điện thoại có giá dưới 3 triệu đạt 25,8 Tr.SP, giảm 22,1%); vonfram và sản phẩm của vonfram đạt 10,9 nghìn tấn, giảm 10,1% và bằng 70,7% KH năm; camera truyền hình đạt 44 Tr.SP, giảm 15,7% và bằng 64,6% KH năm...

## **2.2. Kinh doanh thương mại, dịch vụ, chỉ số giá tiêu dùng**

Tính chung 9 tháng năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 28.354,9 tỷ đồng, tăng 0,35% so với cùng kỳ và bằng 67,7% KH năm. Trong đó, khu vực Nhà nước ước đạt 1.490,8 tỷ đồng, tăng 4,8%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 26.803,1 tỷ đồng, tăng 0,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 61 tỷ đồng, giảm 7,5%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2020 tăng 5,12% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

## **2.3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu**

- Xuất khẩu: Tính chung 9 tháng năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước đạt 20,32 tỷ USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ, bằng 68,9% KH năm. Trong đó, xuất khẩu Trung ương ước đạt 12,1 Tr.USD, tăng 60,4%; xuất khẩu địa phương ước đạt 304,5 Tr.USD, giảm 24,9%, bằng 44,8% KH năm; xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 20 tỷ USD, giảm 5,3%.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 9 tháng năm 2020 so với cùng kỳ: Linh kiện và sản phẩm điện tử các loại khác đạt 8,87 tỷ USD, gấp 2,4 lần, bằng 178,1% KH năm; giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 2,6 Tr.USD, tăng 39,9%, bằng 116,8% KH năm; sản phẩm từ sắt thép đạt 65,6 Tr.USD, tăng 3,4%, bằng 78,4% KH năm...

Nhóm mặt hàng xuất khẩu giảm so cùng kỳ: Phụ tùng vận tải đạt 5,5 Tr.USD, giảm 3,1%; sản phẩm may đạt 219,7 Tr.USD, giảm 25,5%, bằng 55,3% KH năm; điện thoại thông minh và máy tính bảng đạt 63,3 Tr.SP với giá trị 10,89 tỷ USD, giảm 28,4% về lượng và giảm 35,6% về giá trị, bằng 45,7% KH năm; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 122,7 Tr.USD, giảm 35,7%, bằng 48,1% KH năm; chè các loại xuất giá trị đạt 1 Tr.USD, giảm 47,2%, bằng 45,5% KH năm...

Nhập khẩu: Tính chung 9 tháng năm 2020, tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn ước đạt 11,38 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 128,8 Tr.USD, giảm 33,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt: 11,3 tỷ USD (chiếm 98,9% tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn), giảm 1,6% so với cùng kỳ.

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 9 tháng năm 2020 so với cùng kỳ: Giấy các loại đạt 6,3 Tr.USD, tăng 37,6%; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 11 tỷ USD, giảm 1,7%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 24,8 Tr.USD, giảm 17,3%; sản phẩm từ sắt thép đạt 25 Tr.USD, giảm 20,6%; vải các loại đạt 86,4 Tr.USD, giảm 28,9%; nguyên phụ liệu dệt may đạt 7,8 Tr.USD, giảm 38,6%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 53,9 Tr.USD, giảm 44%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 32,8 Tr.USD, giảm 63,1%...

### **3. Các hoạt động quản lý nhà nước**

Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện các Quy hoạch phát triển Công nghiệp, Thương mại, Điện lực, mạng lưới kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và Quy hoạch các loại khoáng sản... triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của Ngành năm 2020.

Trình UBND tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; kế hoạch thực hiện các hoạt động phục vụ Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025; phê duyệt Kế hoạch tổ chức chuỗi sự kiện ngành Công Thương năm 2020; kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn lưới điện cao áp tỉnh Thái Nguyên; ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương tỉnh Thái Nguyên; Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thái nguyên thay thế Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND; đề cương phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; thay đổi chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Cây Bông, xã La Hiên, huyện Võ Nhai; thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Tiểu dự án cấp điện nông thôn bằng nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Thái Nguyên do EU tài trợ; kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật các gói thầu xây lắp và gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia

tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ; dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị; Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) của tỉnh Thái Nguyên.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2015-2020; thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Nghị quyết số 83/2015/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020; nội dung quản lý Nhà nước về lĩnh vực điện lực được phân cấp; thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; thực hiện giá bán lẻ điện cho sinh viên, người lao động thuê nhà để ở; kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên; kết quả thực hiện Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam năm 2019, kế hoạch nhiệm vụ năm 2020; kết quả thực hiện chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017; kết quả thực hiện chương trình, dự án chính sách dân tộc năm 2020; đánh giá thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025; số liệu về phát triển chính phủ điện tử...

Tổ chức kiểm tra, khảo sát tình hình cung ứng hàng hóa thiết yếu và tuyên truyền biện pháp phòng, chống dịch viêm đường hô hấp do chủng mới của virus Corona (nCoV) tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại và một số đơn vị đầu mối cung ứng trên địa bàn tỉnh; kế hoạch dự trữ, cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; kế hoạch tăng cường đưa sản phẩm tại Điểm bán hàng Việt Nam đến tay người tiêu dùng; hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã xây dựng Phương án cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng và công tác phòng, chống dịch covid-19; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; xây dựng Quy chế phối hợp giữa Sở Công Thương và Cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên trong công tác quản lý Nhà nước lĩnh vực công thương và hoạt động quản lý thị trường, Đề án giải pháp giảm sản xuất, sử dụng nhựa, túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh; kế hoạch thực hiện công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp năm 2020; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử và kinh tế số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; đề xuất danh mục chợ hỗ trợ đầu tư theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm ngành công thương năm 2020; lập danh sách doanh nghiệp, cơ sở kinh tế thực hiện điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp năm 2020; kết nối cung cầu sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; Chương trình “Xúc tiến thương mại, hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản tỉnh Thái Nguyên” năm 2020...

Tham gia góp ý: Các dự thảo Nghị định, thông tư hướng dẫn, chương trình, quy hoạch, đề án... thẩm tra các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Công Thương trong 9 tháng năm 2020: Giải quyết được 8.251 thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cụ thể các lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước 195 hồ sơ; công nghiệp địa phương 54 hồ sơ; vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 54 hồ sơ; an toàn thực phẩm 13 hồ sơ; quản lý cạnh tranh 08 hồ sơ; điện 03 hồ sơ; hóa chất 02 hồ sơ; thương mại quốc tế 01 hồ sơ; xúc tiến thương mại 7.912 hồ sơ.

Chủ trì thực hiện 03 cuộc thanh tra chuyên ngành đối với 08 tổ chức; 05 cuộc kiểm tra chuyên ngành đối với 30 tổ chức. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa, thực phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Kết quả: Phát hiện 06 tổ chức vi phạm, ban hành 06 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền xử phạt 521.000.000, đồng. Duy trì, phát triển: Trang Website, Bản tin Kinh tế Công Thương, Sàn giao dịch TMĐT tỉnh Thái Nguyên, website chèn và truy xuất nguồn gốc hỗ trợ doanh nghiệp mã QR code; dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

### **III. Nhiệm vụ, giải pháp những tháng còn lại của năm 2020**

- Tiếp tục hoàn thiện các nhiệm vụ trong Chương trình công tác ngành năm 2020; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Kết luận số 465-KL/TU ngày 25/11/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XIX về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2020...

- Tiếp tục triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Quy hoạch, định hướng phát triển Công nghiệp, Thương mại, kết cấu hạ tầng Thương mại; Điện lực và các Quy hoạch khoáng sản; quản lý phát triển Cụm công nghiệp và các chương trình, dự án, đề án của ngành.

- Rà soát, tổng hợp, phân tích các định hướng quy hoạch lĩnh vực ngành để tham mưu, đề xuất Ban chỉ đạo tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020-2025; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025.

- Thẩm định; cấp giấy phép, giấy chứng nhận thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; tham gia ý kiến thiết kế cơ sở dự án đầu tư các công trình Công Thương.

- Tổ chức Hội chợ triển lãm Mỗi xã, phường một sản phẩm - Thái Nguyên năm 2020.

- Tăng cường đối thoại giữa cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án công trình quan trọng của Ngành.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại góp phần khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất (đặc biệt là các ngành nghề mới, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, sản xuất các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh): Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về miền núi; hội chợ triển lãm “Mỗi xã, phường một sản phẩm - Thái Nguyên năm 2020”...

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về: Nâng cao trình độ các cán bộ quản lý ngành và cơ sở, kỹ năng lãnh đạo và quản trị kinh doanh, an toàn môi trường công nghiệp, đào tạo nghề, công tác bảo hộ lao động...theo chức năng nhiệm vụ của Ngành cũng như mục tiêu điều chỉnh cơ cấu lao động theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội Ngành... Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các đơn thư khiếu nại về lĩnh vực công thương.

- Duy trì vận hành trang Website của sở Công Thương, phần mềm Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính cấp tại Sở; vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử để giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, đẩy mạnh giao thương và thu hút đầu tư vào Thái Nguyên.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

##### **1. Với UBND tỉnh Thái Nguyên**

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút cũng như đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh (đặc biệt trong hỗ trợ giải phóng mặt bằng các Cụm công nghiệp để mời gọi các dự án; triển khai đầu tư xây dựng Chợ vùng Việt Bắc và trung tâm hội chợ triển lãm).

- Đẩy nhanh tiến độ và phân khai rõ những nhiệm vụ các Ngành trong triển khai lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật quy hoạch.

- Đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo kinh phí cho các Chương trình, Đề án, Dự án, hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại... phục vụ cho công tác quản lý của Ngành (đặc biệt lưu ý trang bị các thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành: Bình lờng kiểm tra xăng dầu, thiết bị kiểm tra nhanh vệ sinh an toàn thực phẩm, máy đo nồng độ hóa chất độc hại trong môi trường lao động...).

## **2. Với Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương**

- Ưu tiên nguồn vốn cho các dự án công thương lớn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại (chợ nông thôn, chợ đầu mối và mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm...), hạ tầng điện (trong đó, có dự án điện nông thôn), Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... năm 2020.

- Tiếp tục giúp tỉnh Thái Nguyên thu hút đầu tư, giới thiệu các Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư các dự án, công trình công nghiệp, thương mại, hạ tầng kỹ thuật công thương...

- Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ một số dự án, công trình lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng hợp báo cáo 9 tháng năm 2020, nhiệm vụ giải pháp 3 tháng cuối năm năm 2020 của ngành Công Thương Thái Nguyên./.

### ***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục CNĐP; Vụ Kế hoạch BCT (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- TT.XTTM (đăng website);
- Lưu: VT, P.KHTCTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngô Quyết**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2020**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ 9 tháng năm 2020 (%)	
			TH 9 tháng	Kế hoạch	ƯTH 9 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	3	4	5=4/1	6=4/3
<b>I</b>	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)</b>	<b>Tỷ.đ</b>	<b>553.897</b>	<b>803.300</b>	<b>567.634,2</b>	<b>102,5</b>	<b>70,7</b>
<b>1</b>	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>						
	- Trung ương	Tỷ.đ	16.272,7	24.603	16.834,1	103,4	68,4
	- Địa phương	Tỷ.đ	23.102,3	32.605	24.660,1	106,7	75,6
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		514.522,0	746.092	526.140	102,3	70,5
<b>II</b>	<b>Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>						
<b>1</b>	Than sạch khai thác	nghìn tấn	999,3	1.300,0	1.026,7	102,7	79,0
<b>2</b>	Quặng sắt và tinh sắt chưa nung	nghìn tấn	1.184,5		1.021,8	86,3	
<b>3</b>	Đá khai thác	nghìn m <sup>3</sup>	3.587,6		3.731,7	104,0	
<b>4</b>	Sản phẩm may	Tr.SP	61,7	89,7	53,6	87,0	59,8
<b>5</b>	Gạch xây dựng bằng gốm, sứ	Tr.SP	47,7		46,3	97,1	
<b>6</b>	Xi măng	nghìn tấn	1.647,7	2.480,0	2.073,7	125,9	83,6
<b>7</b>	Sắt thép các loại	nghìn tấn	950,3	1.260,0	1.125,6	118,4	89,3
<b>8</b>	Đồng tinh quặng (Cu>20%)	nghìn tấn	31,8		33,0	103,6	
<b>9</b>	Vonfram và sản phẩm của Vonfram	nghìn tấn	12,1	15,4	10,9	89,9	70,7
<b>10</b>	Máy tính bảng	Tr.SP	12,6	17,5	14,7	116,4	83,7
<b>11</b>	Điện thoại thông minh	Tr.SP	74,1	108,0	69,7	94,1	64,6



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ 9 tháng năm 2020 (%)	
			TH 9 tháng	Kế hoạch	ƯTH 9 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	3	4	5=4/1	6=4/3
12	Mạch điện tử tích hợp	Tr.SP	81,7	130,0	82,4	100,8	63,4
13	Camera truyền hình	Tr.SP	52,2	68,0	44,0	84,3	64,6
14	Tai nghe	Tr.SP	28,4	43,0	29,9	105,5	69,5
15	Phụ tùng khác của xe có động cơ	Tr.SP	46,8		42,5		
16	Thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa	Tr.SP	1.180,8		944,9	80,0	
17	Điện sản xuất	Tr.Kwh	1.255,3		1.349,6	107,5	
18	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	3.641,4	5.450,0	3.633,5	99,8	66,7
19	Nước máy thương phẩm	nghìn m <sup>3</sup>	22.455,0	32.000,0	21.921,7	97,6	68,5
<b>III</b>	<b>Tổng mức lẻ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>Tỷ.đồng</b>	<b>28.257,2</b>	<b>41.855</b>	<b>28.354,9</b>	<b>100,35</b>	<b>67,7</b>
<b>IV</b>	<b>Xuất khẩu</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>Tr.USD</b>	<b>21.527,4</b>	<b>29.500</b>	<b>20.318,7</b>	<b>94,4</b>	<b>68,9</b>
<b>2</b>	<b>Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu</b>						
2.1	Sản phẩm may	Tr.USD	294,99	397,00	219,71	74,5	55,3
2.2	Chè các loại	Tr.USD	1,90	2,20	1,00	52,8	45,5
2.3	Sản phẩm từ chất dẻo	Tr.USD					
2.4	Giấy và các sản phẩm từ giấy	Tr.USD	1,8	2	2,6	139,9	116,8
2.5	Nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử	Tr.USD	20.536,7	28.825	19.761,4	96,2	68,6
	- Điện thoại thông minh	Tr.USD	14.837,2	23.841	8.498,3	57,3	45,7
	- Máy tính bảng	Tr.USD	2.063,4		2.387,8	115,7	
	- Sản phẩm điện tử khác và phụ tùng	Tr.USD	3.636,0	4.984	8.875,3	244,1	178,1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020		Tỷ lệ 9 tháng năm 2020 (%)	
			TH 9 tháng	Kế hoạch	ƯTH 9 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>I</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5=4/1</b>	<b>6=4/3</b>
2.6	Sản phẩm từ sắt thép		63,4	84	65,6	103,4	78,4
2.7	Phụ tùng vận tải	Tr.USD	5,70		5,52	96,9	
2.8	Kim loại màu và tinh quặng KL màu	Tr.USD	190,9	255	122,7	64,3	48,1
<b>V</b>	<b>Nhập khẩu</b>						
<b>1</b>	<b>Tổng kim ngạch nhập khẩu</b>	<b>Tr.USD</b>	<b>11.630,2</b>		<b>11.380,3</b>	<b>97,9</b>	
1.1	Khu vực kinh tế trong nước	Tr.USD	194,9		128,8	66,1	
1.2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tr.USD	11.435,3		11.251	98,4	
<b>2</b>	<b>Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu</b>						
2.1	Nguyên liệu và linh kiện điện tử	Tr.USD	11.165,0		10.974,0	98,3	
2.2	Máy móc TB, dụng cụ phụ tùng	Tr.USD	88,8		32,8	36,9	
2.3	Vải các loại	Tr.USD	121,5		86,4	71,1	
2.4	Nguyên, phụ liệu dệt may	Tr.USD	12,7		7,8	61,4	
2.5	Sắt thép các loại	Tr.USD	6,2		-		
2.6	Sản phẩm từ sắt thép	Tr.USD	31,4		25,0	79,4	
2.7	Nguyên liệu CB thức ăn gia súc	Tr.USD	30,0		24,8	82,7	
2.8	Giấy các loại	Tr.USD	4,58		6,3	137,6	
2.9	Chất dẻo (plastic) nguyên liệu	Tr.USD	96,32		53,90	56,0	